NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3798 /NHCS-TDSV	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2015*

HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay từ nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn NHCSXH huy động để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Nguyên tắc tín dụng

a) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay

b) Người vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi

3. Đối tượng vay vốn

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cở sở sản xuất, kinh doanh)

b) Người lao động

4. Điều kiện vay vốn

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp;

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

b) Đối với người lao động

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

5. Mức vay

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay 01 dự án tối đa là 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm;

b) Đối với người lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng.

6. Lãi suất vay vốn

a) Lãi suất cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ gia đình hoặc người lao động bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định;

b) Các trường hợp sau đây được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay vốn theo quy định tại Điểm a Khoản này.

- Người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật;

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động mà người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

c) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn vay vốn

Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng (5 năm). Thời hạn vay vốn cụ thể do NHCSXH và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

8. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 50 triệu đồng, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

9. Phương thức cho vay

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Hộ gia đình hoặc người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH cấp huyện.

b) Đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do: UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định hiện hành của NHCSXH.

10. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn

a) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH địa phương (NHCSXH nơi cho vay) tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người vay.

b) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thẩm định, trình Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người vay.

11. Thủ tục và quy trình cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH tỉnh, trụ sở PGD NHCSXH cấp huyện

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Hồ sơ vay vốn (02 bộ) gồm:

+ Dự án vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH);

+ Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp đồng hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:

(i) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp;

(ii) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số bao gồm: Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

(iii) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số bao gồm: Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số, bản sao giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân của những lao động là người dân tộc thiểu số và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động có trong danh sách.

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Quy trình cho vay:

+ Người vay gửi hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

+ Cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công tiến hành thẩm định (Mẫu số 03a ban hành kèm theo văn bản này) kèm tài liệu, chứng từ... liên quan đến việc thẩm định dự án, sau đó trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt để trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay;

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công cùng người vay lập Biên bản định giá tài sản (Mẫu 10/BĐTV), Hợp đồng thế chấp, cầm cố theo quy định của pháp luật (trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay) và Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05a ban hành kèm theo văn bản này) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

b) Đối với hộ gia đình hoặc người lao động *(vay vốn từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý)*

- Hồ sơ vay vốn (02 bộ) gồm:

+ Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp (Mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH);

+ Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH);

+ Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:

(i) Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(ii) Giấy xác nhận khuyết tật do UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) cấp đối với người lao động là người khuyết tật.

Đối với hộ gia đình vay vốn cho người lao động thì người lao động phải có giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên.

- Quy trình cho vay:

+ Hộ gia đình viết Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về cư trú hợp pháp tại địa phương (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) hoặc người lao động viết Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về cư trú hợp pháp tại địa phương (Mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH); Bản sao giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định gửi NHCSXH nơi cho vay;

+ Cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, sau đó tiến hành thẩm định (Mẫu số 03b ban hành kèm theo văn bản này) và trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt để trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay;

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công hướng dẫn người vay lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05b ban hành kèm theo văn bản này) trình Giám đốc phê duyệt giải ngân;

+ NHCSXH nơi cho vay căn cứ (Mẫu số 04/TD) lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay gửi người vay đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay.

12. Thủ tục và quy trình cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua tổ tiết kiệm vay vốn theo quy định hiện hành của NHCSXH

- Hồ sơ vay vốn (02 bộ) gồm:

+ Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về cư trú hợp pháp (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH)

+ Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:

(i) Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(ii) Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp đối với người lao động là người khuyết tật.

Đối với hộ gia đình vay vốn cho người lao động thì người lao động phải có giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên.

- Quy trình cho vay:

+ Hộ gia đình viết Giấy đề nghị vay vốn theo (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH); Bản sao giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định gửi Tổ TK&VV;

+ Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, sau đó, Tổ trưởng tổ TK&VV trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH ủy thác để tiến hành thẩm định (Mẫu số 03b kèm theo văn bản này);

+ Sau khi có kết quả thẩm định, Tổ TK&VV lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD), Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01b) trình UBND cấp xã xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn về các ông/bà thuộc hộ gia đình đang cư trú hợp pháp tại địa phương, đồng thời xác nhận trên danh sách (Mẫu số 03/TD) về người vay có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm;

+ Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD), Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH), Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, Tổ trưởng tổ TK&VV gửi toàn bộ hồ sơ đến NHCSXH nơi cho vay;

+ Nhận được hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp,

hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt để trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay;

+ Sau khi có Quyết định cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn người vay lập Sổ vay vốn, trình Giám đốc phê duyệt giải ngân. Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập thông báo kết quả phê duyệt giải ngân (Mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã;

+ UBND cấp xã căn cứ (Mẫu số 04/TD) thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận uỷ thác) để thông báo cho Tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch xã để làm thủ tục nhận tiền vay.

13. Tổ chức giải ngân

- Đối với đối tượng cho vay theo phương thức quy định tại Điểm a, Khoản 9 của văn bản này thì thực hiện giải ngân tại trụ sở chi nhánh NHCSXH tỉnh, trụ sở PGD NHCSXH cấp huyện hoặc tại điểm giao dịch xã;

- Đối với đối tượng cho vay theo phương thức quy định tại Điểm b, Khoản 9 của văn bản này thực hiện giải ngân theo quy định về giao dịch xã.

Việc giải ngân có thể bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt do người vay và Ngân hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Định kỳ hạn trả nợ

- Cho vay ngắn hạn (từ 12 tháng trở xuống): Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung hạn (trên 12 tháng): Căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay vốn để định kỳ hạn trả nợ cho phù hợp. Kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng một lần do NHCSXH nơi cho vay và người vay vốn thỏa thuận, kỳ hạn trả nợ đầu tiên tối đa 12 tháng được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên.

15. Thu nợ, thu lãi

a) Thu nợ

NHCSXH tiến hành thu nợ trực tiếp từ người vay theo các kỳ hạn trả nợ do người vay và Ngân hàng thoả thuận trên Hợp đồng tín dụng hoặc Sổ vay vốn. Người vay có thể trả nợ trước hạn.

b) Thu lãi

- Đối với ngắn hạn: thu lãi của vốn vay khi đến hạn

- Đối với trung hạn: thu lãi theo từng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận

Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ và khuyến khích khách hàng trả lãi hàng tháng.

Đối với trường hợp người vay trả nợ trước hạn thì thu nợ gốc đến đâu thu lãi đến đó.

16. Xử lý nợ đến hạn

a) Đến hạn trả nợ

Người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH khi đến kỳ hạn trả nợ.

b) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ theo kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/DNV&N) gửi NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nhưng không được vượt quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

- Đối với hộ gia đình hoặc người lao động gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

c) Gia hạn nợ

Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì trước 5 ngày đến hạn trả nợ phải có giấy đề nghị gia hạn nợ theo (Mẫu số 09/DNV&N dùng cho cơ sở sản xuất, kinh doanh và Mẫu số 09/TD dùng hộ gia đình hoặc người lao động) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Thời hạn gia hạn nợ có thể cho gia hạn nợ một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung hạn.

d) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: Đến kỳ hạn trả nợ người vay chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH chuyển số dư đó sang nợ quá hạn. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn;

- Đối với hộ gia đình hoặc người lao động: Đến hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho người vay (Mẫu số 14/TD đối với hộ gia đình hoặc người lao động và Mẫu số 05/DNV&N đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh) và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để có biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

17. Xử lý nợ rủi ro

Xử lý nợ rủi ro vốn vay thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH.

18. Kiểm tra, giám sát

a) Đối với cho vay trực tiếp

Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay NHCSXH trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (Mẫu số 06/TD đối với hộ gia đình hoặc người lao động) trong Biên bản kiểm tra ở phần nhận xét cần ghi rõ số lao động thực tế được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; (Mẫu số 06/DNV&N đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh) trong Biên bản kiểm tra tại Khoản 2, Mục I cần ghi rõ số lao động thực tế được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, kèm theo chứng từ, tài liệu chứng minh cho mục đích sử dụng vốn vay.

b) Đối với cho vay có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua tổ tiết kiệm vay vốn theo quy định hiện hành của NHCSXH

Thực hiện theo các quy định hiện hành của nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội và ủy nhiệm cho Tổ TK&VV. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TD) và trong Biên bản kiểm tra ở phần nhận xét cần ghi rõ số lao động thực tế được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

19. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

20. Tổ chức thực hiện

a) Chế độ báo cáo thống kê: Việc báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Các dự án vay vốn về việc làm đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 9 năm 2015 thì thực hiện theo dự án đã được phê duyệt.

c) NHCSXH các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị-xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã. Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, huyện để triển khai thực hiện.

d) Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào nội dung văn bản này tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

đ) Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các văn bản: văn bản số 2539/NHCS-TD ngày 16/9/2008 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm của Quỹ Quốc gia về việc làm; văn bản số 2812/NHCS-TD ngày 09/10/2008 của Tổng Giám đốc NHCSXH về

việc bổ sung, sửa đổi một số điểm về nghiệp vụ cho vay giải quyết việc làm và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến nghiệp vụ cho vay vốn của Quỹ quốc gia về việc làm. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BĐD HĐQT NHCSXH các cấp;

(để b/cáo)

- Hội LHPN VN;
- Hội ND VN;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- Hội CCB VN;
- Tổng LĐLĐ VN;
- Hội Người Mù VN;
- Liên Minh Hợp tác xã VN;

(để phối hợp thực hiện)

- Tổng Giám đốc, TBKS HĐQT;
- Các PTGĐ, KTT;
- Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Các Phòng giao dịch NHCSXH huyện;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Nguyễn Văn Lý

Mẫu số: 03b
(Do ngân hàng lập 01 liên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 20.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG

(Áp dụng cho hộ gia đình hoặc người lao động)

1. Họ và tên người vay vốn:.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....Dân tộc:.....Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Là chủ hộ/Người đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:.....

.....

2. Họ và tên người lao động thực hiện dự án:.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....Dân tộc:.....Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Nơi cư trú: .....xã:.....huyện:.....tỉnh:.....

Quan hệ người lao động với chủ hộ hoặc người đại diện vay vốn:.....

Thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất: khuyết tật/Dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có):.....

Tên dự án:.....

Nơi thực hiện dự án:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá thực trạng lao động và nhu cầu vay vốn

a) Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: .....người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): .....người.
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): .....người.
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): .....người.

b) Vốn thực hiện dự án: .....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:.....đồng
- Vốn vay ngân hàng:.....đồng,

Để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

2. Nguồn trả nợ

- Hiệu quả của dự án, tăng thu nhập, tăng tích lũy để trả nợ vay.....
.....
.....
- Trả nợ từ các nguồn khác .....
.....

3. Kết luận: (tính khả thi của dự án, số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, khả năng hoàn trả vốn):
.....
.....
.....

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ phương án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền: ..... đồng

Từ nguồn vốn:.....

2. Thời hạn cho vay ..... tháng

3. Lãi suất cho vay: ..... %/tháng

4. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

5. Số lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:
.....người. Trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm mới (nếu có): .....người.
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): .....người.
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): .....người

7. Tiền vay sử dụng vào việc: .....
.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG) TÍN DỤNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc

Mẫu số 05a
Lập 02 liên
01 liên lưu NH
01 liên lưu người vay

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
Số: …./HĐ-TD
(Áp dụng cho cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/ 2015;

Căn cứ quyết định phê duyệt cho vay số...../QĐ-.... ngày.... /...../..... của .....;

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm ..... tại ..... chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên **A**)
- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Giấy ủy quyền (nếu có) .....
- Do ông (bà) ..... ủy quyền.....

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên **B)**
- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
- Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....
- Số tài khoản tiền gửi: ..... tại Ngân hàng:.....
- Đại diện là ông (bà).....; Chức vụ: .....
- CMND số: ..... do CA ..... cấp ngày ...../...../.....
- Họ tên người được ủy quyền giao dịch vay vốn: .....
- CMND số: ..... do CA ..... cấp ngày .....
- Giấy ủy quyền số (nếu có): ..... do ông (bà) .....ủy quyền
- Địa chỉ cư trú: .....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1- Nội dung cho vay

1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): ..... đồng
Bằng chữ: .....

1.2. Mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho:.....người.

1.3. Thời hạn cho vay: …… tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày …./…./…..

1.4. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: ..... %/ tháng
- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng
- Tiền lãi trả theo:.....

1.5. Nợ gốc tiền vay được trả .....tháng/lần vào các ngày:

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- ...

Điều 2- Phát tiền vay

2.1- Bằng tiền mặt: ..... đồng

2.2- Bằng chuyển khoản (nếu có): ..... đồng

2.3. Phát tiền vay một hay nhiều lần .....

Điều 3- Bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng số.....

.....

.....

.....

.....

Điều 4- Mục đích sử dụng tiền vay

.....

.....

Điều 5- Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

5.1- Quyền của Bên A

a- Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.

b- Ngừng cho vay và báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích và không tạo được việc làm cho người lao động như đã thỏa thuận.

c- Trường hợp phát mại tài sản.

- Nợ quá hạn trên 360 ngày

- Người vay vốn sử dụng vốn sai mục đích yêu cầu khắc phục trả nợ trước hạn trong vòng 30 ngày nếu không thực hiện được thì phát mại tài sản để thu hồi nợ;

- Người vay cung cấp thông tin sai sự thật

d- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

5.2- Nghĩa vụ của Bên A

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện dự án của bên vay, thu hồi nợ (gốc và lãi) theo thỏa thuận. Tiền lãi được tính trên vốn và thời hạn vay thực tế, không nhập lãi vào gốc vay.

c- Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.

d- Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1- Quyền của Bên B

a- Trả nợ trước hạn và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b- Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

6.2- Nghĩa vụ của Bên B

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt. Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo dự án được duyệt. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng này.

c- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để đảm bảo cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

d- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và tạo việc làm cho người lao động.

Điều 7. Một số thỏa thuận khác

.....

.....

Điều 8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 9. Cam kết chung

1- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng Tín dụng số: ...../HĐ-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trong hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền vay	Lãi suất %/ tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/tháng	Số tiền trả nợ		Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
				Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc

Mẫu số 05b
Lập 02 liên
01 liên lưu NH
01 liên lưu người vay

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
Số: ...../HĐ-TD
(Áp dụng cho hộ gia đình hoặc người lao động)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/ 2015;

Căn cứ quyết định phê duyệt cho vay số...../QĐ-.... ngày.... /...../..... của .....;

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm ..... tại ..... chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên **A**)

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Giấy ủy quyền (nếu có) .....
- Do ông (bà) ..... ủy quyền.....

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên **B**)

- Họ tên người vay: .....; tuổi: .....
- CMND số: ..... do CA ..... cấp ngày ...../...../.....
- Địa chỉ thường trú: .....
.....
- Họ tên người lao động thực hiện dự án vay vốn: .....
- CMND số: ..... do CA ..... cấp ngày ...../...../.....
- Địa chỉ cư trú: .....
- Quan hệ với người vay: .....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1- Nội dung cho vay

1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): .....đồng

Bằng chữ: .....

Thời hạn cho vay: ..... tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày ...../..../.....

1.3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: ..... %/ tháng

- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng

- Tiền lãi trả theo:.....

1.4. Nợ gốc tiền vay được trả ..... tháng/lần vào các ngày:

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

- ...

Điều 2- Phát tiền vay

2.1- Bằng tiền mặt: ..... đồng

2.2- Bằng chuyển khoản (nếu có): ..... đồng

2.3. Phát tiền vay một hay nhiều lần .....

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....

.....

.....

.....

.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

4.1- Quyền của Bên A

a- Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.

b- Ngừng cho vay và báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích và không tạo được việc làm cho người lao động như đã thỏa thuận.

c- Trường hợp phát mại tài sản.

- Nợ quá hạn trên 360 ngày

- Người vay vốn sử dụng vốn sai mục đích yêu cầu khắc phục trả nợ trước hạn trong vòng 30 ngày nếu không thực hiện được thì phát mại tài sản để thu hồi nợ;

- Người vay cung cấp thông tin sai sự thật

d- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

4.2- Nghĩa vụ của Bên A

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện dự án của bên vay, thu hồi nợ (gốc và lãi) theo thỏa thuận. Tiền lãi được tính trên vốn và thời hạn vay thực tế, không nhập lãi vào gốc vay.

c- Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.

d- Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1- Quyền của Bên B

a- Trả nợ trước hạn và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b- Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

5.2- Nghĩa vụ của Bên B

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt. Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo dự án được duyệt. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng này.

c- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để đảm bảo cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

d- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và tạo việc làm cho người lao động.

Điều 6. Một số thỏa thuận khác

.....

.....

Điều 7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 8. Cam kết chung

1- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng Tín dụng số: ...../HĐ-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trong hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền vay	Lãi suất %/ tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/tháng	Số tiền trả nợ		Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
				Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Mẫu số 03a
(Do ngân hàng lập 01 liên)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHCSXH huyện (tỉnh).....

....., ngày..... tháng ..... năm 20.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

(Dùng cho vay cơ sở sản xuất, kinh doanh)

1. Tên dự án:.....

2. Họ, tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....

CMND số:.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

3. Nơi thực hiện dự án:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên Doanh nghiệp /Hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh:.....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

.....Điện thoại:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: .....

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp: .....

Hoặc (Tổ hợp tác) Hợp đồng hợp tác số:.....do UBND xã, phường, thị trấn.....chứng thực

4. Họ, tên người đại diện:..... Chức vụ:.....

CMND số.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....

Quyết định bổ nhiệm, số..... ngày...../...../.....Do.....quyết định

hoặc giấy ủy quyền, số..... ngày...../...../.....Do.....ủy quyền

5. Mã số thuế:.....

6. Vốn điều lệ/ Vốn góp/ Vốn tự có:.....đồng.

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh…):.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, chí tiến thủ trong kinh doanh, trình độ tính toán, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình...)

.....

.....

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các công ty khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào…)

.....

.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....

.....

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ *(nếu có)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét ,đánh giá :

.....

.....

.....

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người.
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có):.....người

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

IV. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung dự án

a) Đánh giá hiện trạng

- Đánh giá hiện trạng văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích): .....

- Đánh giá hiện trạng nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.....

- Đánh giá về hiện trạng trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):.....

b) Đánh giá Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Đánh giá về việc mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:.....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:.....

- Đánh giá về đầu tư trang thiết bị, máy móc

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị).....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị).....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

2. Đánh giá về phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động: .....người, trong đó:

- Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm (nếu có): .....người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: .....người. Trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

3. Phân tích hiệu quả dự án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Lợi nhuận				

* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm dự án

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

4. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng: .....đồng

Sử dụng vào các việc: .....

.....

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: Tháng.....năm.....

6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;
- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;
- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:.....đồng;
- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:.....đồng;

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

V. KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, tính khả thi của dự án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

.....

.....

.....

.....

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền đề nghị cho vay: .... đồng

Bằng chữ: .....

Từ nguồn vốn:.....

2. Thời hạn cho vay ..... tháng

3. Lãi suất cho vay:..... %/tháng

3. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

4. Tổng số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.....người

Trong đó:

- Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm (nếu có):.....người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: .....người, Trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.
+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

6. Tiền vay sử dụng vào các việc: .....

.....

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG) TÍN DỤNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú: Mẫu này hướng dẫn nội dung lập báo cáo thẩm định, không phải là mẫu in sẵn để cán bộ điền các nội dung.

Mẫu số 17/TD

CHI NHÁNH NHCSXH ..... **PGD huyện.....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-NHCS	*.....ngày.....tháng.....năm.....*

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

Kính trình: .....

Thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và văn bản hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm số 3799/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ vào báo cáo thẩm định của Phòng giao dịch NHCSXH huyện..... đối với Giấy đề nghị vay vốn (dự án) hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

(1) Kèm theo bảng tổng hợp đề nghị phê duyệt dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

(2) của Ông (Bà) .....Địa chỉ.....

Để thực hiện dự án vay vốn:.....

Mức đề nghị cho vay: ..... đồng

Thời hạn cho vay ..... tháng

Lãi suất cho vay: ..... %/tháng

Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

Trên đây là đề nghị của Phòng giao dịch NHCSXH huyện..... kính trình..... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: - Như kính trình; - Lưu: VT, NHCS.	**GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú: - (1) Đối với từ hai dự án trở lên
- (2) Đối với một dự án đơn lẻ

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN.....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*....., ngày .... tháng .... năm 20..*

Mẫu tham khảo

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức của HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Xét đề nghị của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện ..... tại Tờ trình số ..../TTr-NHCS ngày .../.../20..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án vay vốn

(1) theo danh sách đính kèm bảng tổng hợp đề nghị phê duyệt dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

(2) .....do Ông (Bà) .....làm chủ dự án, địa chỉ:....., cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: ..... đồng
- Thời hạn: ..... tháng
- Lãi suất: .....%/tháng
- Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện dự án theo đúng mục đích, nội dung đã nêu trong dự án. Đảm bảo vì mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trả nợ gốc và lãi đúng hạn và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện....., Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn..... và ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND huyện;
- PVP, VX, KTTH, TH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ghi chú: (1) Đối với từ hai dự án trở lên; (2) Đối với một dự án riêng lẻ

NHCSXH.....
NHCSXH huyện (tỉnh).....

TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN VAY VỐN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

(Kèm theo Tờ trình số:...../TTr-NHCS ngày...../...../20.....của Giám đốc PGD NHCSXH.....)

Đơn vị: Triệu đồng, %, lao động

STT	Họ tên người vay	Nơi cư trú của người vay	Họ tên người thực hiện dự án	Nơi thực hiện dự án	Vốn vay thực hiện dự án					Số lao động thực hiện dự án				
					Số tiền vay	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay (tháng)	Trả nợ gốc: tháng/lần	Trả lãi: tháng/lần	Tổng số	Số lao động được tạo việc làm	Lao động nữ (nếu có)	Lao động là người khuyết tật (nếu)	Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN NHÂN
HUYỆN.....

TỔNG HỢP PHÊ DUYỆT DỰ ÁN VAY VỐN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../...../20.....của UBND.....)

Đơn vị: Triệu đồng, %, lao động

STT	Họ tên người vay	Nơi cư trú của người vay	Họ tên người thực hiện dự án	Nơi thực hiện dự án	Vốn vay thực hiện dự án					Số lao động thực hiện dự án				
					Số tiền vay	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay (tháng)	Trả nợ gốc: tháng/lần	Trả lãi: tháng/lần	Tổng số	Số lao động được tạo việc làm	Lao động nữ (nếu có)	Lao động là người khuyết tật (nếu)	Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*